

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-4-2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trường Ch, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Chị O, anh Ch có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/7/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị O trình bày: Trong những năm đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp ý nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau.

Hiện nay chị với anh Ch đã ly thân cách đây đã 3 năm, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh T, sinh ngày 12/9/2011 và Nguyễn Khánh H, sinh ngày 22/3/2016. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, đồng ý giao cháu T cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2021, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh Ch trình bày: Anh thống nhất vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2011. Quá trình chung sống thì vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, thời gian ly thân khoảng 2 năm và đây là lần thứ 4 chị O xin ly hôn, 3 lần trước thì biện pháp hàn gắn của anh có hiệu quả nên chị O đã rút đơn, đến lần này thì biện pháp hàn gắn của anh không còn hiệu quả như trước. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh T, sinh ngày 12/9/2011 và Nguyễn Khánh H, sinh ngày 22/3/2016. Nếu ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu T và H, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị O với anh Ch là hợp pháp. Chị O xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp ý nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân cách đây đã hơn 3 năm, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên chị O yêu cầu xin ly hôn với anh Ch. Anh Ch thừa nhận quá trình chung sống thì vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, thời gian ly thân khoảng 2 năm và đây là lần thứ 4 chị O xin ly hôn, 3 lần trước thì biện pháp hàn gắn của anh có hiệu quả nên chị O đã rút đơn, đến lần này thì biện pháp hàn gắn của anh không còn hiệu quả như trước. Anh Ch không đồng ý ly hôn nhưng anh Ch không đưa ra được biện pháp cụ thể nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng, mặc dù vợ chồng ly thân với nhau đã lâu. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay, chị O vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Ch.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị O có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị O với anh Ch có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh T, sinh ngày 12/9/2011 và Nguyễn Khánh H, sinh ngày 22/3/2016. Hiện tại cháu T hiện do anh Ch nuôi dưỡng, cháu H do chị O nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của chị O, anh Ch, thấy rằng:

Xét cháu H hiện do chị O nuôi dưỡng đã ổn định, chị O có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu H cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét cháu T hiện do anh Ch nuôi dưỡng đã ổn định, cháu T đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống với anh Ch nên cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu T cho anh Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, chị O, anh Ch không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị O và anh Ch xác định tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị O phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kiều O ly hôn với anh Nguyễn Trường Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 22/3/2016 cho chị Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh T, sinh ngày 12/9/2011 cho anh Nguyễn Trường Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Ch, chị O có quyền, nghĩa vụ, chăm sóc, giáo dục, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị O đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0006321 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị O đã thi hành xong án phí.

4. Chị O, anh Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức